

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2023
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Sơn.
2. Bà Lương Thanh Kỳ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 483/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Số 37, tổ 7, ấp C, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị C, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: ấp C, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: ấp 4, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt) .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2022; bản tự khai ngày 10/01/2023 nguyên đơn là ông Đỗ Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Hoàng Thị C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1978 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Quang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống kinh tế gia đình khó khăn, bà C lại không chia sẻ với ông mà lại thường xuyên gây gổ với ông. Vì những điều này mà tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông và bà C đã không còn chung sống từ năm 2012 cho đến nay. Nay ông nhận thấy tình cảm gia đình không thuận H, không thể hàn được vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà C.

- Về con chung: Ông và bà C có 08 con chung tên Đỗ Thị T1, sinh ngày 01/01/1979, Đỗ Văn T2, sinh ngày 15/6/1981, Đỗ Thị T3, sinh ngày 05/5/1983, Đỗ Thị T4, sinh ngày 12/5/1986, Đỗ Thị T5, sinh ngày 10/11/1988, Đỗ Văn S, sinh ngày 20/3/1990, Đỗ Văn H, sinh ngày 07/6/1992 và Đỗ Văn H, sinh ngày 25/12/1994. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 01/02/2023 bị đơn là bà Hoàng Thị C (bà C không đồng ý ký tên vào biên bản) trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Đỗ Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1978 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Quang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Bà và ông H đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay ông H có yêu cầu được ly hôn với bà thì bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì bà là người theo Đạo Thiên chúa nên không thể ký với các giấy tờ ly hôn.

Về con chung: Bà và ông H có 08 con chung tên Đỗ Thị T1, sinh ngày 01/01/1979, Đỗ Văn T2, sinh ngày 15/6/1981, Đỗ Thị T3, sinh ngày 05/5/1983, Đỗ Thị T4, sinh ngày 12/5/1986, Đỗ Thị T5, sinh ngày 10/11/1988, Đỗ Văn S, sinh ngày 20/3/1990, Đỗ Văn H, sinh ngày 07/6/1992 và Đỗ Văn H, sinh ngày 25/12/1994. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông H là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Ông Đỗ Văn H là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Hoàng Thị C hiện cư trú tại xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ông H yêu cầu khởi kiện ly hôn với bà C nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Ông H là nguyên đơn; bà C là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Hoàng Thị C nhưng bà C vắng mặt mà không có lý do chính đáng; ông H có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về Luật áp dụng: Ông H và bà C đều khai tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1978 tại UBND xã Hải Quang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Người con đầu của ông H là chị Đỗ Thị Tho, sinh ngày 01/01/1979. Vì vậy, xác định ông H, bà C đăng ký kết hôn năm 1978 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 1959 và Nghị quyết số 76-CP ngày 25/3/1977 của Hội đồng chính phủ về việc hướng dẫn thi hành và xây dựng pháp luật thống nhất cho cả nước để giải quyết vụ án.

[6] Về hôn nhân: Qua lời khai của các đương sự thể hiện ông H và bà C tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1978 tại UBND xã Hải Quang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Theo Công văn số 04/UBND-TP ngày 02/02/2023 về việc trích lục hộ tịch kết hôn của công dân của Ủy ban nhân dân xã Hải Quang,

huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xác định ông Đỗ Văn H, sinh năm 1959 và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1960 đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hải Quang. Đồng thời, người con đầu của ông H là chị Đỗ Thị Tho, sinh ngày 01/01/1979. Vì vậy, xác định ông H, bà C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hải Quang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Văn H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc sống vợ chồng giữa ông H, bà C phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng quy định “*Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*”. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của ông H, bà C lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông H yêu cầu ly hôn nên chấp nhận cho ông H được ly hôn với bà C theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Ông Đỗ Văn H là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 6, 9, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, mục 1 phần XII thuộc danh mục pháp luật hiện hành thi hành thống nhất cho cả nước ban hành do Nghị quyết số 76-CP ngày 25/3/1977 của Hội đồng chính phủ về việc hướng dẫn thi hành và xây dựng pháp luật thống nhất cho cả nước; các Điều 19, 51, 56, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Văn H. Ông Đỗ Văn H được ly hôn với bà Hoàng Thị C.

2) *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4) *Về án phí*: Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, ông Đỗ Văn H là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại

5) *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Hải Quang, H.Hải Hậu,
T.Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Viên

